

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 11 - 2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Hòa L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Liêu Thanh N, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Hòa L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Cẩm T là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Liêu Thanh N tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa L, huyện G, tỉnh Kiên Giang, chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không quan tâm đến chị và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị và anh N tự hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi. Đầu năm 2019, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn nên chị đi làm thuê sống ly thân với anh N cho đến nay.

Quá trình chung sống chị và anh N có một người con chung là cháu Liêu Vĩ V, sinh ngày 01/7/2007, kể từ lúc ly thân cho đến nay cháu V do anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Chị xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh N. Do đó, yêu cầu được ly hôn với anh N; Về con chung: Chị và anh N tự thỏa thuận về việc nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Liêu Thanh N là bị đơn trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân và về con chung là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh thừa nhận có một thời gian ít quan tâm đến chị T, anh không có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chỉ có mối quan hệ bạn bè bình thường, chị T nghe lời người khác nên nghi ngờ, không tin tưởng anh.

Đối với yêu cầu của chị T: Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con, mong muốn chị T có thể tha lỗi cho anh để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Về con chung anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu V. Về tài sản chung và nợ chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ; thời hạn xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Liêu Thanh N kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh N đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng không thể tự hàn gắn được, do anh N không chung thủy, không sửa đổi. Chị T xác định không còn tình cảm với anh N, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh, chị cũng không có kết quả tốt đẹp, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có một người con chung nhưng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Liêu Thanh N. Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Liêu Thanh N là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Liêu Thanh N kết hôn năm năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trễ hạn ngày 13/3/2017 và được Ủy ban nhân dân xã Hòa L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do anh N thiếu quan tâm

đến chị T và chị T xác định anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù, anh N không thừa nhận việc anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng qua xác minh về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh N tại nơi cư trú, Trưởng ấp Hòa B, xã Hòa L, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho biết: Anh N thiếu chung thủy trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc chị T xác định anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa chị T và anh N thừa nhận từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay anh, chị đã sống ly thân và không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị T và anh N đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị T và anh N nhưng không đạt kết quả do chị T cương quyết ly hôn, anh N không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng để thuyết phục chị T. Từ những nhận định trên cho thấy tình cảm vợ chồng của chị T và anh N đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Liêu Thanh N có một người con chung là cháu Liêu Vĩ V, sinh ngày 01/7/2007, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V, Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự thỏa thuận nuôi con giữa chị T và anh N như sau: Chị T đồng ý giao cháu V cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp, chị T và anh N có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Liêu Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp chặn cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Liêu Thanh N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N về việc tự thỏa thuận nuôi con chung, cụ thể như sau: Chị T đồng ý để anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Liêu Vĩ V, sinh ngày 01/7/2007. Trường hợp, chị T và anh N có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006420 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Liêu Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 26/11/2019.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS ND huyện GR;
- THA Huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát